

Bản án số: 04/2018/HNGD-ST
Ngày 11 tháng 6 năm 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lầu A Vàng

Ông Vương Đình Hoàng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lục, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

Đại diện VKSND huyện M, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2018/TLST-HN&GD ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Họ và tên: Lò Thị N; sinh năm: 1990.
- Nơi cư trú: Bản L, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn:

- Họ và tên: Tòng Văn T; sinh năm: 1988.
 - Nơi cư trú: Bản L, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên
- Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 H, địa chỉ xã Y, huyện B, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 01/3/2018; tại bản tự khai và phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (N) và anh Tòng Văn T kết hôn ngày 06/02/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Trước khi kết hôn hai bên tự nguyện tìm hiểu nhau, không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hòa thuận, đầm ấm. Sau đó tôi và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do

anh T mắc nghiện ma túy. Mặc dù đã được gia đình hòa giải, khuyên can nhiều lần nhưng cuộc sống chung của vợ chồng tôi vẫn không được cải thiện, ngày càng trầm trọng. Từ năm 2011 đến nay tôi và anh T sống ly thân, (Hiện anh T đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 H, địa chỉ xã Y, huyện B, thành phố Hà Nội). Nay tôi thấy đời sống chung giữa vợ chồng tôi không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là anh Tòng Văn T.

Về con chung: Tôi (N) và anh T có 01 người con chung là cháu Tòng Thị Thu M, sinh ngày 27/11/2009. Nguyên vọng của tôi sau khi ly hôn, tôi được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Thị Thu M đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên vọng của cháu Tòng Thị Thu M: Sau khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với mẹ.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ thu về: Tôi (N) và anh T không có.

*** Bị đơn:** Theo bản tự khai ngày 12/4/2018, anh Tòng Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (T) kết hôn hợp pháp với chị Lò Thị N, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên ngày 06/02/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chúng tôi chung sống cùng nhau nhưng do tính tình không hợp, nên hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng tôi sống ly thân mỗi người một nơi. Từ năm 2012 đến nay vợ chồng tôi cắt đứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị N xin ly hôn tôi đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Tôi (T) và chị N có 01 người con chung là cháu Tòng Thị Thu M, sinh ngày 27/11/2009, hiện cháu đang sinh sống cùng chị N. Sau khi ly hôn tôi nhất trí giao cháu M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyên vọng của chị N và cháu M, do hiện nay tôi đang chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc nên tôi xin hoãn việc cấp dưỡng nuôi cháu M đối với chị N, khi nào tôi có điều kiện và chị N có yêu cầu tôi sẽ cấp dưỡng để chị N nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về: Quá trình chung sống tôi và chị N có tài sản chung. Tuy nhiên năm 2014 khi mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục đời sống chung được, tôi và chị N đã tự giải quyết chia tài sản, đến nay tài sản riêng, công sức đóng góp, nợ chung phải trả, nợ chung được trả đều không có gì, tôi không yêu cầu tòa án xem xét phần tài sản.

Quan điểm của đại diện VKSND huyện M: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, Tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227,228,234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

+ Con chung: Chấp nhận ý kiến của chị N, anh T và nguyện vọng của cháu Tòng Thị Thu M. Giao cháu Tòng Thị Thu M, sinh ngày 27/11/2009 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

+ Án phí: Đề nghị miễn án phí HN&GD-ST cho chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 05/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án tiến hành tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự.

Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do anh Tòng Văn T hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 H, địa chỉ xã Y, huyện B, thành phố Hà Nội và có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào Điều 207, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Tòng Văn T.

[2] Nội dung vụ án:

*** Về hôn nhân:** Chị Lò Thị N và anh Tòng Văn T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/02/2009 tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, sau đó do anh T mắc nghiện chất ma túy, nên anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã được gia đình hòa giải, khuyên can nhiều lần nhưng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị vẫn không được cải thiện, ngày càng trầm trọng. Từ năm 2011 đến nay anh chị sống ly thân, (Hiện anh T đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 H, địa chỉ xã Y, huyện B, thành phố Hà Nội). Xét thấy, vợ chồng anh chị sống ly thân đã lâu, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bản phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn

nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị N. Tuyên xử cho chị Lò Thị N được ly hôn với anh Tòng Văn T.

*** Về con chung:** Chị Lò Thị N và anh Tòng Văn T có một người con chung là cháu Tòng Thị Thu M, sinh ngày 27/11/2009. Nguyên vọng của chị N, cháu M cũng như ý kiến của anh Tòng Văn T là sau khi ly hôn giao cháu M cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị N, cháu M cũng như ý kiến của anh Tòng Văn T về việc giao nuôi con chung.

*** Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về:** Chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Chị N là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của BLTTDS 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị N: Chị Lò Thị N được ly hôn anh Tòng Văn T.

2. Về con chung: Chị Lò Thị N và anh Tòng Văn T có một người con chung là cháu Tòng Thị Thu M, sinh ngày 27/11/2009. Giao cháu M cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Đương sự không yêu cầu giải quyết,

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị N.

Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết án tại UBND cấp xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã M.
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương

